

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Hồng C, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 244 ấp V, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phương Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 191/38 đường N11, Khu phố 3, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Hồng C trình bày:**

Bà C và ông Đ là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 19/11/2009 tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Sau khi kết hôn, bà C về nhà ông Đ tại Số 191/38 đường N11, Khu phố 3, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương sinh sống. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi sinh con được khoảng 01 tháng thì bà C, ông Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hiểu ý nhau nên bà C và con về nhà cha mẹ ruột của bà C ở Cà Mau sinh sống. Sống được khoảng hơn 01 năm, bà C và con trở về nhà ông Đ tiếp tục sống chung với ông Đ. Tuy nhiên, bà C, ông Đ sống chung với nhau được khoảng 3 - 4 tháng thì tiếp tục phát sinh

mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà C và con tiếp tục về quê ở Cà Mau sinh sống từ đó cho đến nay. Hiện nay, bà C nhận thấy không còn tình cảm với ông Đ, hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà C, ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhật Đ (nam), sinh ngày 14/02/2010. Hiện nay, cháu Đ đang sinh sống với bà C tại Cà Mau. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- *Tại bản tự khai đề ngày 04/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Phương Đ trình bày:*

Ông Đ thống nhất lời trình bày của bà C về thời gian sống chung, ngày tháng năm đăng ký kết hôn, về con chung và nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng. Hiện nay, ông Đ nhận thấy không còn tình cảm với bà C nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C.

Về con chung: Khoảng tháng 9/2018 đến hết năm học 2020 thì cháu Đ sống chung với ông Đ ở phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một để đi học. Sau đó, do nghỉ hè nên ông Đ cho cháu Đ về quê ngoại chơi đến đầu năm học mới 2020 ông Đ sẽ rước cháu Đ lên tỉnh Bình Dương để đi học. Ông Đ mong muốn cháu Đ có môi trường học hành và chăm sóc tốt nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý giao cháu Đ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đ không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

#### ***Tại phiên tòa,***

- Nguyên đơn bà Lê Hồng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn ông Nguyễn Phương Đ giữ nguyên ý kiến, yêu cầu, giao nộp cho Tòa án Quyết định số 3756/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tạm đình chỉ thi hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với bà Lê Hồng C.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu ly hôn của bà C được ông Đ đồng ý nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn; về con chung hiện nay con chung đang đi học và chung sống với bà C tại ấp V, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau và có nguyện vọng muốn sống chung với bà C nên cần giao cháu Đ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu không đặt ra xem xét; về tài sản chung nợ chung không có nên không giải quyết.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Về hôn nhân: Bà C, ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận. Bà C nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn do vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Ông Đ thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, không hiểu nhau nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Xét thấy, sự thừa nhận về mâu thuẫn vợ chồng của bà C, ông Đ là tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà C, ông Đ là có thật, cả hai đều tự nguyện ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa công nhận sự thuận tình ly hôn của bà C, ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Lê Nhật Đ (nam), sinh ngày 14/02/2010. Sau khi ly hôn, bà C, ông Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông Đ giao nộp cho Tòa án Quyết định số 3756/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tạm đình chỉ thi hành quyết định đưa bà C vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc do bà C sử dụng trái phép chất ma túy. Bà C thừa nhận chứng cứ do ông Đ giao nộp, cho rằng do thiếu hiểu biết, lần đầu hút phải chất ma túy nên bị bắt buộc chữa bệnh, bà C đã chấp hành xong việc chữa bệnh bắt buộc. Xét thấy, bà C sử dụng chất ma túy đã lâu, đã chấp hành xong việc chữa bệnh bắt buộc, Tòa không thể căn cứ vào chứng cứ này để bác bỏ quyền nuôi con của bà C mà cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác để giải quyết. Hiện nay, bà C có công việc, có nguồn thu nhập ổn định để lo cho bản thân và nuôi con, ông Đ cho biết đủ điều kiện chăm sóc, nuôi con ăn học chu toàn, đầy đủ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà C và sự thừa nhận của ông Đ về việc cho cháu Đ đi học bằng xe đạp để xảy ra tai nạn, không ngủ chung và ít trò chuyện với cháu Đ cho thấy ông Đ chưa thật sự quan tâm, gần gũi con chung, điều đó được thể hiện khi Tòa án lấy ý kiến của cháu Đ, cháu Đ không có nguyện vọng sống chung với ông Đ, muốn sống cùng bà C. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà C, giao cháu Đ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hồng C đối với bị đơn ông Nguyễn Phương Đ về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

- Về hôn nhân: Bà C, ông Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Nhật Đ (nam), sinh ngày 14/02/2010.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên Tòa không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông Đ. Ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của bà C. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**2.** Về án phí hôn nhân gia đình: Bà C nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050257, ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**3.** Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Dương sự;
- UBND xã T, huyện D, Cà Mau;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**